

Phúc Lợi, ngày 03 tháng 6 năm 2025

### CÔNG KHAI TÀI CHÍNH

Căn cứ thông tư 09/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ giáo dục và đào tạo quy định về việc công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân

Trường THCS Phúc Lợi thực hiện công khai lĩnh vực tài chính :

Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

#### 1. Kết quả thu chi hoạt động:

*ĐVT: Triệu đồng*

STT	Chỉ số thống kê	Năm trước liền kề năm báo cáo (theo số liệu QT năm 2024)
<b>1</b>	<b>Chênh lệch thu lớn hơn chi chưa phân phối năm trước chuyển sang</b>	
1.1	Học phí	675
1.2	Thu khác: Bán trú, KNS, MH...	457
<b>2</b>	<b>Thu trong năm</b>	10.236
2.1	Ngân sách cấp	5.483
2.2	Học phí	2.047
2.3	Thu khác: Bán trú, KNS, MH...	2.706
<b>3</b>	<b>Chi trong năm</b>	10.780
3.1	Chi NS	5.483
3.2	Chi học phí	2.692
3.3	Chi nguồn khác: Bán trú, KNS, MH...	2.605
	<b>Trong đó:</b>	
-	Chi lương và chi khác tính chất như lương	7.808
-	chi cơ sở vật chất, dịch vụ...	1.447
-	Chi trích quỹ	526
-	Chi khác (cấp bù học phí, rút trả hs)..	999
<b>4</b>	<b>Chênh lệch thu lớn hơn chi chưa phân phối chuyển sang năm sau</b>	
4.1	Học phí	30
4.2	Nguồn khác: Bán trú, KNS, MH...	558

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học: bao gồm: học phí, lệ phí, các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho

từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển:

TT	Chỉ tiêu thống kê	Mức thu trong năm học 2024-2025	Dự kiến mức thu năm học 2025-2026
1	Học phí	155.000đ/hs/tháng	Không thu theo NĐ81
2	Mô hình 2 buổi/ngày	235.000đ/hs/tháng	Không thu
3	Kỹ năng sống	60.000đ/hs/tháng	60.000đ/hs/tháng
4	Chăm sóc bán trú	235.000đ/hs/tháng	235.000đ/hs/tháng
5	Suất ăn ( thu hộ - chi hộ)	35.000đ/hs/bữa	35.000đ/hs/bữa
6	Trang TBPVBT ( thu hộ- chi hộ)	133.000đ/hs/năm học	133.000đ/hs/năm học
7	Nước uống ( thu hộ - chi hộ)	12.000đ/hs/tháng	15.000đ/hs/tháng
8	BHYT ( thu hộ- chi hộ)	884.520đ/hs/năm	theo CV của BHXH

Các khoản thu khác sẽ thu theo văn bản hướng dẫn từng năm học, khi có thay đổi tới các nội dung liên quan, nhà trường sẽ thực hiện cập nhật và thông báo tới cha mẹ học sinh

### 3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

DVT: đồng

Lớp	Thuộc đối tượng	Mức hỗ trợ /tháng	Số tháng	Tổng KP hỗ trợ
<b>I</b>	<b>Miễn giảm</b>			<b>10.230.000</b>
	<i>Từ T1.24 đến T5.24</i>			<b>6.200.000</b>
6A5	Khuyết tật	155.000	5	775.000
7A3	Khuyết tật	155.000	5	775.000
8A3	Khuyết tật	155.000	5	775.000
8A3	Khuyết tật	155.000	5	775.000
9A3	Khuyết tật	155.000	5	775.000
9A4	Khuyết tật	155.000	5	775.000
9A1	Mồ côi	155.000	5	775.000
7A5	Bố mất sức lao động	77.500	5	387.500
9A3	Bố mất sức lao động	77.500	5	387.500
	<i>Từ T9.24 đến T12.24</i>			<b>4.030.000</b>
7A4	Khuyết tật	155.000	4	620.000
7A5	Khuyết tật	155.000	4	620.000
8A3	Khuyết tật	155.000	4	620.000
9A3	Khuyết tật	155.000	4	620.000
9A3	Khuyết tật	155.000	4	620.000
6A4	Hộ cận nghèo	77.500	4	310.000
6A4	Mẹ mất sức lao động	77.500	4	310.000
8A5	Bố mất sức lao động	77.500	4	310.000



II	<b>Hỗ trợ chi phí học tập</b>			<b>8.250.000</b>
	<b>Từ T1.24 đến T5.24</b>			<b>5.250.000</b>
6A5	Khuyết tật	150.000	5	750.000
7A3	Khuyết tật	150.000	5	750.000
8A3	Khuyết tật	150.000	5	750.000
8A3	Khuyết tật	150.000	5	750.000
9A3	Khuyết tật	150.000	5	750.000
9A4	Khuyết tật	150.000	5	750.000
9A1	Mồ côi	150.000	5	750.000
	<b>Từ T9.24 đến T12.24</b>			<b>3.000.000</b>
7A4	Khuyết tật	150.000	4	600.000
7A5	Khuyết tật	150.000	4	600.000
8A3	Khuyết tật	150.000	4	600.000
9A3	Khuyết tật	150.000	4	600.000
9A3	Khuyết tật	150.000	4	600.000

**4.Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có).**

ĐVT: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu thống kê	Số dư chuyển sang năm 2025
1	Học phí	30
2	Kỹ năng sống	4
3	Chăm sóc bán trú	44
4	Suất ăn ( thu hộ - chi hộ)	170
5	Trang TBPVBT ( thu hộ- chi hộ)	20
6	Nước uống tinh khiết ( thu hộ - chi hộ)	11
7	Mô hình	140
8	GD ngoài giờ chính khóa	318
9	Quỹ PTHĐSN	65
10	Quỹ Bổ sung thu nhập	327
11	Quỹ Phúc Lợi	146

**5.Các nội dung công khai tài chính khác** thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở: Công khai hàng tháng trong các cuộc họp Hội đồng sư phạm nhà trường, treo bảng công khai, đăng Web.

Hiệu trưởng



Nguyễn Ngọc Sơn